

2026



FROM



Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc "chuyên khoa" dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl</i> <i>CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> TB24 36 MG, 54 MG	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> TB24 18 MG, 27 MG	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate</i> PTCH	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate</i> SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %</i> , 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	1B	
<i>gentamicin sulfate</i> IJ 40 MG/ML	1B	
<i>neomycin sulfate</i> TABS	1B	
<i>streptomycin sulfate</i> SOLR	3	
<i>tobramycin</i> NEBU	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
			RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen.; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen</i> 7.5 MG-200 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS</i> 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS</i> 325 MG-2.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>BRIXADI (WEEKLY) SOSY</i>	3	
<i>BRIXADI SOSY</i> 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	3	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA</i> 10 MG/ML	1B	PA
<i>butorphanol tartrate IJ</i> 1 MG/ML, 2 MG/ML	1B	
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>SUBLOCADE SOSY</i>	3	1 max fill(s) per 26 day(s) retail
<i>ZUBSOLV SUBL</i>	3	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24</i> 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ</i> 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
<i>EMVERM CHEW</i>	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	2	QL(8 EA daily); PA	lamotrigine CHEW 5 MG	1B	QL(100 EA daily)
BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	2	QL(2 EA daily); PA	lamotrigine TABS	1B	
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	lamotrigine TBDP	1B	QL(1 EA daily)
carbamazepine CHEW 100 MG	1B		levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML	1B	QL(30 ML daily)
carbamazepine CP12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	levetiracetam TABS 500 MG	1B	QL(6 EA daily)
carbamazepine CP12 100 MG	1B		levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine CP12 300 MG	1B	QL(4 EA daily)	levetiracetam TABS 1000 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine SUSP	1B		levetiracetam TB24	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine TABS	1B		oxcarbazepine SUSP	1B	QL(40 ML daily)
carbamazepine TB12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	1B	QL(4 EA daily)	oxcarbazepine TABS 600 MG	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	1B	QL(3 EA daily); ST
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	pregabalin SOLN	1B	QL(30 ML daily); ST
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	primidone 50 MG, 250 MG	1B	
EPIDIOLEX	3	PA	rufinamide SUSP	1B	QL(80 ML daily); PA
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	1B	QL(2 EA daily); ST	rufinamide TABS 200 MG	1B	QL(2 EA daily); PA
gabapentin CAPS	1B		rufinamide TABS 400 MG	1B	QL(8 EA daily); PA
gabapentin SOLN	1B	QL(60 ML daily)	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	2	
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	1B		TEGRETOL TABS (carbamazepine)	2	
lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	1B	QL(40 ML daily)	topiramate CPSP 25 MG	1B	QL(8 EA daily)
lacosamide TABS	1B	QL(2 EA daily)	topiramate CPSP 15 MG	1B	QL(6 EA daily)
lamotrigine CHEW 25 MG	1B	QL(20 EA daily)	topiramate CS24	3	PA
			topiramate TABS 50 MG	1B	QL(6 EA daily)
			topiramate TABS 200 MG	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Diabetic Other		
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>diazoxide</i>	3	
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>alogliptin benzoate 12.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate 25 MG</i>	1B	
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
Biguanides			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	QL(5 EA daily)	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	QL(2.5 EA daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
			Insulin		
			APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
			APIDRA SOLN	3	PA
			HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
			HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
			INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	
NOVOLOG SOLN IJ	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
OPVEE NA	3	
VIVITROL	3	1 max fill(s) per 30 day(s) retail
ZIMHI SOSY	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC
Antihistamines - Phenothiazines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	QL(8 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
Antihypertensive Combinations			<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		Antihypertensives - Misc.		
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>VECAMYL</i>	3	PA
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		Direct Renin Inhibitors		
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A		<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)	<i>eplerenone</i>	1B	
			Vasodilators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer					
Alkylating Agents					
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B		Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
Antimetabolites			LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA			
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA			
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZIRABEV	4	PA	<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Antibodies			ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LOQTORZI	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			ORGOVYX	4	PA
DAURISMO	4	PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA			
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators			<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	KYPROLIS	4	PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
ROZLYTREK CAPS	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	UVADEX	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	VORAXAZE	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	Mitotic Inhibitors		
TURALIO 125 MG	4	PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
XOSPATA	4	PA	IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
			Topoisomerase I Inhibitors		
			HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	
APTIVUS CAPS	3	
<i>atazanavir sulfate CAPS</i>	1B	
BIKTARVY	3	
CABENUVA	3	
CIMDUO	3	ST
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	
<i>darunavir TABS</i>	1B	
DELSTRIGO	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DESCOVY 200 MG-25 MG	3		<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	
DOVATO	3		<i>maraviroc TABS</i>	1B	
EDURANT	3		<i>nevirapine SUSP</i>	1B	
<i>efavirenz CAPS</i>	1B		<i>nevirapine TABS</i>	1B	
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B		<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B		NORVIR CAPS	2	
<i>efavirenz TABS</i>	1B		NORVIR PACK	3	
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B		ODEFSEY	3	
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B		PIFELTRO	3	
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B		PREZCOBIX	3	
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0		PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3		PREZISTA SUSP	3	
<i>etravirine</i>	1B		PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	
EVOTAZ	3		RETROVIR SOLN	3	
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B		<i>ritonavir TABS</i>	1B	
FUZEON SOLR	4	SP; PA	SELZENTRY SOLN	3	
GENVOYA	3		STRIBILD	3	
INTELENCE 25 MG	3		SYMTUZA	3	
ISENTRESS HD TABS	3		<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
ISENTRESS CHEW	3		TIVICAY PD TBSO	3	
ISENTRESS TABS	3		TIVICAY TABS 50 MG	3	
JULUCA	3		TRIUMEQ PD TBSO	3	
KALETRA SOLN	2		TRIUMEQ TABS	3	
<i>lamivudine SOLN</i>	1B		TYBOST	3	
<i>lamivudine TABS</i>	1B		VIRACEPT TABS	3	
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B		VIREAD POWD	3	
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B		VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	
			<i>zidovudine CAPS</i>	1B	
			<i>zidovudine SYRP</i>	1B	
			<i>zidovudine TABS</i>	1B	
			CMV Agents		
			<i>cidofovir</i>	3	
			<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	SP
PEGASYS SOLN	4	SP; PA
PEGASYS SOSY	4	PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	
SOFOBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B		<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B		CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		Cardiac Glycosides		
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
Calcium Channel Blockers			LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B		<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B		Impotence Agents		
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B		<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
DILTIAZEM HCL SOLR	1B		<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B		<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B		Prostaglandin Vasodilators		
<i>felodipine</i>	1B				
<i>isradipine CAPS</i>	1B				
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B				
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B				
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B				
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefroxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	NATAZIA	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IJ 1 GM</i>	1B		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
AVERI TABS PO	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
FEMLYV TBDP	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Emergency Contraceptives					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELLA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone SOLN</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TBPk</i>	1B	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		Mineralocorticoids		
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A		Antitussives		
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B		<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B		<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
MEDROL TABS	3		<i>hydrocodone bitartrate-homatropine methylbromide TABS</i>	3	PA
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B		Cough/Cold/Allergy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B		<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants			<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
HYPERSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
NEBUSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
Mucolytics			<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B		DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions			<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Acne Products			<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)			
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)			
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA			
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tretinoin GEL 0.01 %</i> , <i>0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate</i> LOTN	1B	QL(6 ML daily)
<i>desonide</i> CREA	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate</i> OINT	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide</i> LOTN	1B	QL(4 ML daily)	<i>halcinonide</i> CREA	1B	PA
<i>desonide</i> OINT	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate</i> CREA	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone</i> CREA 0.25 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate</i> OINT	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone</i> GEL	1B	QL(3 GM daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone</i> OINT 0.25 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 1 %, 2.5 %	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate</i> CREA	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical)</i> LOTN 2.5 %	1B	
<i>diflorasone diacetate</i> OINT	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical)</i> OINT 1 %, 2.5 %	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.01 %	1B		<i>hydrocortisone butyrate</i> CREA	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.025 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate</i> OINT	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> OIL	1B	QL(118.28 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>hydrocortisone butyrate</i> SOLN	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> OINT	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate</i> CREA	1B	
<i>fluocinolone acetonide</i> SOLN	1B	QL(4 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate</i> OINT	1B	
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate</i> CREA	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinonide</i> CREA 0.1 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>mometasone furoate</i> OINT	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide</i> CREA 0.05 %	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate</i> SOLN	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide</i> GEL	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.5 %	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide</i> OINT	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.025 %	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide</i> SOLN	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.1 %	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>flurandrenolide</i> CREA	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.025 %	1B	
<i>flurandrenolide</i> LOTN	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.1 %	1B	QL(6 ML daily)
<i>fluticasone propionate</i> CREA 0.05 %	1B	QL(4 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
KETONE TEST STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
PRECISION XTRA KETONE	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC

DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes

Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	

DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1A	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosecron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	RX/OTC
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate</i> TABS	3		KIMONO SENSATION MISC	0	
Fidaxomicin			KIMONO SPECIAL DEVI	0	
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2		KIMONO MISC	0	
<i>fidaxomicin</i> TABS 200 MG	1B		MAXX PLUS MISC	0	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			MAXX MISC	0	
Contraceptives			OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	
CAYA DPRH	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0		TROJAN BARESKIN DEVI	0	
DUREX TROPICAL MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	
KIMONO PS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	RX/OTC
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0		RELION LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		RELION LANCETS	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0		Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0		BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0		EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0		EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
Diabetic Supplies			MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 30 EA per 90 days mail); ST	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Migraine Products			<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST			
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
Phosphate		
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN PO 10 %, 10 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
Immunomodulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	Potassium Removing Agents		
AZATHIOPRINE SODIUM	1B		LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>azathioprine TABS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP PR 30 GM/120ML</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		Anesthetics Topical Oral		
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B		<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA	Anti-infectives - Throat		
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B		<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B		<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B		Antiseptics - Mouth/Throat		
PROGRAF PACK	2	PA	<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2		Dental Products		
SIMULECT	3		<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<i>sirolimus TABS</i>	1B		Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B		Throat Products - Misc.		
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	<i>cevimeline hcl</i>	1B	
Irrigation Solutions			<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
			MULTIVITAMINS		
			Ped MV w/ Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)	Central Muscle Relaxants		
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			Ophthalmic Steroids		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>difluprednate</i>	1B	PA
Miotics			<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		FML FORTE SUSP	3	PA
Ophthalmic Adrenergic Agents			LOTEMAX OINT	3	PA
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
Ophthalmic Anti-infectives			<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
NATACYN	2		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		Ophthalmics - Misc.		
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		ALOCRI	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		ALOMIDE	3	PA
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B		<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
ZIRGAN GEL	2		<i>brinzolamide</i>	1B	
Ophthalmic Immunomodulators			<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
Ophthalmic Local Anesthetics					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
Penicillinase-Resistant Penicillins			<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IJ 1 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>oxacillin sodium IJ 1 GM</i>	1B		<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			Combination Psychotherapeutics		
Progestins			<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B		<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A		Fibromyalgia Agents		
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA	SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0		SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
<i>progesterone CAPS</i>	1B		Movement Disorder Drug Therapy		
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions			AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
Agents for Chemical Dependency			<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>acamprosate calcium</i>	1B		Multiple Sclerosis Agents		
<i>disulfiram</i>	1B		AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail)	AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
Antidementia Agents			BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY IM	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)

THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones

Antithyroid Agents

<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	

Thyroid Hormones

<i>ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
<i>ARMOUR THYROID TABS</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>EVEXITHROID TABS 180 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
<i>NP THYROID TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)</i>	2	

TOXOIDS

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Bacterial Vaccines			COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY SUSP	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY SUSY	0	
CAPVAXIVE	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENACTRA	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENQUADFI 0.5 ML	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENBRAYA	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)	FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOLN	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0		FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0		FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AREXVY	0				
AUDENZ EMUL	0				
AUDENZ PRSY	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MRESVIA	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
IPOL IJ	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
JYNNEOS	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
			PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
ROTARIX SUSP	0	
ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	42	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate TABS	28	ACTHAR GEL	42	adefovir dipivoxil	30
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	61	ADEMPAS	32
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	59
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	61
ABRYSVO	61	acyclovir SUSP	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 61	
acamprosate calcium	57	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	61
acarbose	14	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA SUSP	61
acebutolol hcl CAPS	30	acyclovir topical OINT	38	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	45
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	59	AIMOVIG	49
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	59	AIMSCO LUBRICATED MISC	48
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AKYNZEO	17
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		albendazole	7
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	2	albuterol sulfate AERS	9
acetazolamide CP12	41	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	2	albuterol sulfate NEBU	9
acetazolamide sodium	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	2	albuterol sulfate SYRP	9
acetazolamide TABS 125 MG	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albuterol sulfate TABS	9
acetazolamide TABS 250 MG	41	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		alclometasone dipropionate CREA 38	
acetic acid (otic)	56	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	alclometasone dipropionate OINT .38	
acetic acid 0.25 %	45	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	ALDURAZYME	42
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	ALECENSA	25
acitretin 10 MG, 17.5 MG	37	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
acitretin 25 MG	37	adapalene CREA	35	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	42
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	adapalene GEL	35	alfuzosin hcl	45
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3			ALINIA SUSR	21
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3				
ACTEMRA SOSY	3				

aliskiren fumarate	20	amiloride hcl TABS	41	CP24 15 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	45	aminocaproic acid TABS	46	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	50	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 8		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	50	amiodarone hcl TABS	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
ALOCRIL	55	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
alogliptin benzoate 12.5 MG	15	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
alogliptin benzoate 25 MG	15	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	31	ampicillin CAPS 500 MG	56
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	56
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	46
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
ALOMIDE	55	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
alosetron hcl	44	amoxapine	14	ANNOVERA	33
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 57		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 57		APIDRA SOLN	15
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate TABS 57		APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
alprazolam TBDP	8	amoxicillin CAPS	56	apomorphine hydrochloride SOCT	27
ALTABAX	36	amoxicillin & pot clavulanate TB12	57	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 56		aprepitant CAPS 80 MG	17
alvimopan	44	amoxicillin TABS	56	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	56	APTIVUS CAPS	28
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	56	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	46
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin TABS	56	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	46
ambrisentan	32	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	60	ARCALYST	3
amcinonide CREA	38	amphetamine-dextroamphetamine			
amcinonide OINT	38				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				

AREXVY	61	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	59	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN .	49
arformoterol tartrate	9	ATROVENT HFA	9	BELSOMRA	47
ARIKAYCE	2	AUDENZ EMUL	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
aripiprazole SOLN PO	28	AUDENZ PRSY	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
aripiprazole TABS	28	AURANOFIN 3 MG	3	benazepril hcl	19
armodafinil	1	AUSTEDO TABS	57	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	35
ARMOUR THYROID TABS	59	avanafil	31	BENZEPRO FOAM 5.3 %	35
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	AVERI TABS PO	33	benzonatate 100 MG	34
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AVONEX PEN AJKT	57	benzonatate 150 MG	34
ARZERRA	24	AVONEX PREFILLED PSKT	57	benzonatate 200 MG	34
asenapine maleate 2.5 MG	28	azacitidine SUSR	23	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	35
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AZATHIOPRINE SODIUM	52	benzoyl peroxide GEL 10 %	35
aspirin CHEW	5	azathioprine TABS	52	benzoyl peroxide GEL 5 %	35
aspirin TABS 325 MG	5	azelaic acid GEL	40	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	35
aspirin TBEC 325 MG	5	azelastine hcl (ophth)	55	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	35
aspirin TBEC 81 MG	5	azelastine hcl	54	benztropine mesylate TABS	27
aspirin-dipyridamole	46	azithromycin PACK	47	bepotastine besilate	55
atazanavir sulfate CAPS	28	azithromycin SUSR	47	betaine	42
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 250 MG	47	betamethasone dipropionate (topical) CREA	38
atenolol TABS	30	azithromycin TABS 500 MG	47	betamethasone dipropionate (topical) LOTN	38
ATGAM	52	azithromycin TABS 600 MG	47	betamethasone dipropionate (topical) OINT	38
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	55	betamethasone dipropionate augmented CREA	38
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	baclofen TABS	54	betamethasone dipropionate augmented LOTN	38
atorvastatin calcium TABS	19	balsalazide disodium CAPS	44		
atovaquone	21	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) .	12		
atovaquone-proguanil hcl	22	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) .	12		
atracurium besylate 50 MG/5ML ...	54	BAXDELA SOLR	43		
		BAXDELA TABS	43		

betamethasone dipropionate augmented OINT	38	bosentan TBSO 32 MG	32	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate CREA ...	38	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	9	bupropion hcl (smoking deterrent)	58
betamethasone valerate FOAM ...	38	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate LOTN	38	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB12	13
betamethasone valerate OINT	38	brimonidine tartrate (topical)	40	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
BETASERON KIT	57	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	55	buspirone hcl 5 MG	8
betaxolol hcl (ophth) SOLN	54	brimonidine tartrate-timolol maleate	54	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
betaxolol hcl	30	brinzolamide	55	busulfan SOLN	23
bethanechol chloride 25 MG	60	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	12	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	60	BRIXADI (WEEKLY) SOSY	7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5
bexarotene (topical)	37	BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
bexarotene	26	bromfenac sodium (ophth)	55	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEXSERO 0.5 ML	61	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
BEYFORTUS	56	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6
bicalutamide	24	budesonide (inhalation) SUSP	9	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5
BIJUVA	43	budesonide (intrarectal)	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6
BIKTARVY	28	budesonide (nasal)	54	butenafine hcl	36
bimatoprost SOLN	56	budesonide CPEP	34	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7
bisacodyl SUPP	47	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML ..	7
bisacodyl TBEC	47	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	41	CABENUVA	28
bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	bumetanide TABS	41	cabergoline	43
bisoprolol fumarate	30	buprenorphine hcl SOLN	7	CABOMETYX TABS	25
bleomycin sulfate 15 UNIT	25	buprenorphine hcl SUBL	7	calcipotriene CREA	37
BOOSTRIX SUSP	59	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL	7		
BOOSTRIX SUSY	59	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7		
bortezomib SOLR IJ	25				
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	25				
bosentan TABS 125 MG	32				
bosentan TABS 62.5 MG	32				

calcipotriene OINT	37	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcipotriene SOLN	37	carbidopa	27	cefprozil SUSR	32
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	38	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	32
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	38	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbidopa-levodopa TBCR	27	cefuroxime axetil TABS	32
calcitriol (topical)	37	carbidopa-levodopa TBCR	27	cefuroxime sodium IJ 750 MG	32
calcitriol CAPS	42	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	celecoxib	4
calcitriol SOLN IV	42	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	cephalexin CAPS	32
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18	cephalexin SUSR	32
calcium acetate (phosphate binder) TABs	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		CERDELGA	46
calcium chloride (dihydrate) SOLN	51	carisoprodol TABS	54	cetirizine hcl TABS	18
calcium polycarbophil TABS	47	carmustine	23	cevimeline hcl	52
candesartan cilexetil	19	carteolol hcl (ophth)	54	CHEMET	16
candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	carvedilol	30	CHEMSTRIP K STRP	40
capecitabine	23	carvedilol phosphate	30	chloramphenicol sodium succinate 21	
CAPRELSA	25	CAYA DPRH	48	chlordiazepoxide hcl CAPS	8
captopril 12.5 MG	19	CAYSTON	21	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	59
captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefaclor CAPS	32	chlordiazepoxide-amitriptyline	57
CAPVAXIVE	61	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	32	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	52
carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefadroxil CAPS	32	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22
carbamazepine CP12 100 MG	12	cefadroxil SUSR	32	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22
carbamazepine CP12 200 MG	12	cefadroxil TABS	32	chlorpromazine hcl SOLN	28
carbamazepine CP12 300 MG	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	32	chlorpromazine hcl TABS	28
carbamazepine SUSP	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	32	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	41
carbamazepine TABS	12	cefdinir CAPS	32	chlorzoxazone TABS 500 MG	54
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefdinir SUSR	33	chlorzoxazone TABS 750 MG	54
		cefepime hcl SOLR IJ 1 GM	33	cholecalciferol CAPS	63
		cefepime hcl SOLR IJ 1 GM	33		
		cefixime CAPS	33		
		cefixime SUSR	33		
		cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	32		
		cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	32		
		cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ..	32		
		cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ..	32		
		cefpodoxime proxetil SUSR	33		

cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	63	clarithromycin TABS	47	clobazam TABS	11
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TB24	47	clobetasol propionate CREA 0.05 % ..	38
cholestyramine light POWD	18	CLASSIC PRENATAL TABS	53	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	38
cholestyramine PACK	18	clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate FOAM	38
cholestyramine POWD	18	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	clobetasol propionate GEL 0.05 %	38
choline fenofibrate	18	CLIMARA PRO	43	clobetasol propionate OINT 0.05 %	38
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 42		clindamycin hcl	21	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	38
ciclopirox GEL	36	clindamycin palmitate hydrochloride .	21	clocortolone pivalate	38
ciclopirox olamine CREA	36	clindamycin phosphate (topical) FOAM	35	clofarabine	23
ciclopirox olamine SUSP	36	clindamycin phosphate (topical) GEL	35	clomipramine hcl	14
ciclopirox SHAM	36	clindamycin phosphate (topical) LOTN	35	clonazepam TABS	11
ciclopirox SOLN	36	clindamycin phosphate (topical) SOLN	35	clonidine hcl (adhd) TB12	1
cidofovir	29	clindamycin phosphate (topical) SWAB	35	clonidine hcl TABS	19
cilostazol	46	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine PTWK	19
CIMDUO	28	clindamycin phosphate vaginal CREA	63	clopidogrel bisulfate 300 MG	46
cimetidine TABS	60	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	35	clopidogrel bisulfate 75 MG	46
cinacalcet hcl	43	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	35	clorazepate dipotassium TABS	8
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	55	clindamycin phosphate-tretinoin ..	35	clotrimazole (topical) CREA	36
ciprofloxacin hcl (otic)	56	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	54	clotrimazole (topical) SOLN	36
ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	43	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	54	clotrimazole	52
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	43	clobazam SUSP	11	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	63
ciprofloxacin-dexamethasone	56			clotrimazole w/ betamethasone CREA	36
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	56			clotrimazole w/ betamethasone LOTN	36
cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23			clozapine TABS	28
citalopram hydrobromide SOLN ...	13			clozapine TBDP 100 MG	28
citalopram hydrobromide TABS ...	13			clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG	
clarithromycin SUSR	47				

28	SOAJ	37	dactinomycin	25	
clozapine TBDP 25 MG	28	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	37	dalfampridine	57
COARTEM	22	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	37	danazol CAPS	7
codeine sulfate TABS 30 MG	5	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	37	dantrolene sodium CAPS	54
CODEINE SULFATE TABS	5	CREON CPEP	41	dapagliflozin propanediol	16
colchicine TABS	45	CRESEMBA CAPS 186 MG	17	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14
colchicine w/ probenecid	45	cromolyn sodium (ophth)	55	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14
colesevelam hcl PACK	18	cromolyn sodium NEBU	9	dapsone	21
colesevelam hcl TABS	18	crotamiton LOTN	40	DAPTACEL	59
colestipol hcl GRAN	18	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	53	daptomycin 500 MG	21
colestipol hcl PACK	18	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	46	darifenacin hydrobromide	60
colestipol hcl TABS	18	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	54	darunavir TABS	28
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	cyclophosphamide CAPS	23	dasatinib	25
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	25	cyclophosphamide SOLR IJ	23	DAURISMO	24
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	25	cycloserine	22	decitabine	23
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	25	cyclosporine (ophth) EMUL	55	deferasirox PACK	16
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	61	cyclosporine CAPS	52	deferasirox TABS	16
COMIRNATY SUSP	61	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	52	deferasirox TBSO	16
COMIRNATY SUSY	61	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	52	deflazacort TABS	34
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)	28	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	52	DELSTRIGO	28
CORDRAN TAPE	39	cyproheptadine hcl SYRP	18	demeclocycline hcl TABS	59
CORTISPORIN-TC	56	cyproheptadine hcl TABS	18	DEPO-ESTRADIOL	43
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	37	CYTAGON CAPS	45	DEPO-MEDROL SUSP	34
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	37	CYSTARAN	56	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	34
COSENTYX SENSOREADY PEN	11	dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11	DESCOVY 200 MG-25 MG	29

desmopressin acetate SOLN IJ ... 43	dexmethylphenidate hcl CP24 1	dicyclomine hcl SOLN PO 59
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 43	dexmethylphenidate hcl TABS 1	dicyclomine hcl TABS 59
desmopressin acetate spray 43	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG 1	DIFFERIN LOTN 35
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 % 43	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG 1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 48
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	diflorasone diacetate CREA 39
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 43	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG 1	diflorasone diacetate OINT 39
desogestrel & ethinyl estradiol 33	DIACOMIT CAPS 250 MG 12	diflunisal TABS 5
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) 33	DIACOMIT CAPS 500 MG 12	difluprednate 55
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) 33	DIACOMIT PACK 250 MG 12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML 31
desonide CREA 39	DIACOMIT PACK 500 MG 12	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG 31
desonide LOTN 39	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 50
desonide OINT 39	diazepam CONC 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 50
desoximetasone CREA 0.25 % 39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML 8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 13
desoximetasone GEL 39	diazepam TABS 8	DILANTIN 13
desoximetasone OINT 0.25 % 39	diazoxide 15	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 13
desvenlafaxine succinate 14	diclofenac epolamine PTCH EX ... 37	DILANTIN SUSP (phenytoin) 13
dexamethasone ELIX 34	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 34	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX 37	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 31
dexamethasone sodium phosphate (ophth) 55	diclofenac sodium (ophth) 56	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 31
dexamethasone SOLN 34	diclofenac sodium (topical) GEL EX 37	diltiazem hcl CP12 31
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG 34	diclofenac sodium TB24 4	diltiazem hcl CP24 31
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG 34	diclofenac sodium TBEC 4	diltiazem hcl extended release beads 31
dexlansoprazole 60	diclofenac w/ misoprostol TBEC 4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML . 31
	dicloxacillin sodium 57	DILTIAZEM HCL SOLR 31
	dicyclomine hcl CAPS 59	

diltiazem hcl TABS	31	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	54	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
diltiazem hcl TB24	31	DOVATO	29	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	40
dimethyl fumarate CDPK	57	doxazosin mesylate	19	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
dimethyl fumarate CPDR	57	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
DIPENTUM	44	doxepin hcl (sleep)	47	DEVI	48
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG		doxepin hcl CAPS	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
18		doxepin hcl CONC	14	MISC	48
diphenhydramine hcl ELIX 12.5		doxercaliferol CAPS	43	DUREX TROPICAL MISC	48
MG/5ML	18	doxercaliferol SOLN	43	dutasteride	45
diphenhydramine hcl LIQD 12.5		doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG		dutasteride-tamsulosin hcl	45
MG/5ML	18	25	econazole nitrate CREA	36
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxycycline (monohydrate) CAPS 50		EDARBI	19
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	MG, 100 MG	59	EDURANT	29
dipyridamole	46	doxycycline (monohydrate) CAPS 75		efavirenz CAPS	29
disopyramide phosphate CAPS	8	MG	59	efavirenz TABS	29
disulfiram	57	doxycycline (monohydrate) TABS		efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
divalproex sodium TB24	13	100 MG	59	disoproxil fumarate	29
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) TABS 50		efavirenz-lamivudine-tenofovir	
docetaxel CONC 20 MG/ML	26	MG, 75 MG	59	disoproxil fumarate	29
docusate calcium	47	doxycycline hyclate CAPS	59	ELAPRASE	43
docusate sodium CAPS 100 MG ..	47	doxycycline hyclate TABS 20 MG,		electrolyte-148	51
docusate sodium CAPS 250 MG ..	47	100 MG	59	electrolyte-a	51
dofetilide	9	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELESTRIN GEL	43
donepezil hydrochloride TABS 10		dronabinol CAPS	17	eletriptan hydrobromide	50
MG	57	drospirenone-ethinyl estradiol	33	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24
donepezil hydrochloride TABS 5 MG,		drospirenone-ethinyl estradiol-		ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45	
23 MG	57	levomefolate calcium	33	MG	24
donepezil hydrochloride TBDP 10		DROXIA CAPS	46	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK	
MG	57	DUAVEE	43	TBPK	10
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		DULERA	10	ELIQUIS TABS	10
57		duloxetine hcl CPEP	14	ELLA	34
dorzolamide hcl	56	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML			
		40			

ELMIRON CAPS	45	ENBREL SOLN	4	ergocalciferol CAPS	63
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	46	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	63
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	46	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	ergoloid mesylates TABS	58
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	49	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ERGOMAR SUBL	50
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	49	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	61	ergotamine w/ caffeine TABS	50
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	49	ENGERIX-B SUSY	61	eribulin mesylate	26
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	49	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ERIVEDGE	24
EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ERLEADA 240 MG	24
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 49		enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ERLEADA 60 MG	24
EMGALITY SOAJ	49	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	erlotinib hcl	24
EMGALITY SOSY	49	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERTACZO	36
EMSAM	13	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine CAPS	29	entacapone	27	erythromycin (acne aid) PADS	35
emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	entecavir TABS	30	erythromycin (acne aid) SOLN	35
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	EPIDIOLEX	12	erythromycin (ophth)	55
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinastine hcl (ophth)	56	erythromycin base CPEP	47
EMTRIVA SOLN	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	63	erythromycin base TABS	47
EMVERM CHEW	7	eplerenone	20	erythromycin base TBEC	47
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		epoprostenol sodium	32	erythromycin ethylsuccinate SUSR 47	
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		eptifibatide 200 MG/100ML	46	erythromycin ethylsuccinate TABS 48	
enalapril maleate TABS	19	EQL PRENATAL FORMULA TABS 53		escitalopram oxalate SOLN	13
ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 100 MG	27	escitalopram oxalate TABS	13
		EQUETRO 200 MG	27	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12
		EQUETRO 300 MG	27	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	60
		ERBITUX	24	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	60
				esomeprazole magnesium TBEC ..	60
				estazolam	47

estradiol GEL	43	EVOTAZ	29	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	18
estradiol PTTW	43	exemestane	24	fenoprofen calcium TABS	4
estradiol PTWK	43	ezetimibe	19	FENSOLVI (6 MONTH) SC	42
estradiol TABS	43	ezetimibe-simvastatin	18	fentanyl citrate LPOP	5
estradiol vaginal CREA	63	famciclovir 125 MG, 250 MG	30	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
estradiol vaginal TABS	63	famciclovir 500 MG	30	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	46
estradiol valerate	43	famotidine in nacl SOLN	60	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	46
estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	43	famotidine SUSR	60	ferrous sulfate TBEC 325 MG	46
eszopiclone	47	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	60	fesoterodine fumarate	60
ethacrynic acid	41	FANAPT	27	FETZIMA CP24	14
ethambutol hcl TABS	22	FANAPT TITRATION PACK A ...	27	FETZIMA TITRATION C4PK	14
ethosuximide CAPS	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	48	fidaxomicin TABS 200 MG	48
ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 48		finasteride	45
ethynodiol diacet & eth estrad ...	33	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	fingolimod hcl	57
etodolac CAPS	4	FASENRA PEN SOAJ	9	FIRMAGON (240 MG DOSE)	24
etodolac TABS	4	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML ...	9	FIRMAGON 80 MG	24
etonogestrel-ethinyl estradiol	33	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	flavoxate hcl	60
ETOPOPHOS	26	FC2 FEMALE CONDOM	48	flecainide acetate	8
etoposide CAPS	26	febuxostat	45	floxuridine	23
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	26	felbamate SUSP	13	FLUAD	61
etravirine	29	felbamate TABS 400 MG	13	FLUAD QUADRIVALENT	61
EUCRISA	40	felbamate TABS 600 MG	13	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	61
EVAMIST SOLN	43	felodipine	31	FLUARIX SUSY	61
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	52	FEMCAP DEVI	48	FLUBLOK QUADRIVALENT	61
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	52	FEMLYV TBDP	33	FLUBLOK SOSY	61
everolimus TABS	25	FEMRING	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	61
EVEXITHROID TABS 180 MG	59	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	18		

FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	61	fluorouracil (topical) CREA 5 %	37	fluticasone-salmeterol AERO	10
FLUCELVAX SUSP	61	fluorouracil (topical) SOLN	37	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
FLUCELVAX SUSY	61	fluorouracil 500 MG/10ML	23	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
fluconazole SUSR	17	fluoxetine hcl CAPS	13	fluvoxamine maleate TABS	14
fluconazole TABS	17	fluoxetine hcl CPDR	13	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	62
flucytosine	17	fluoxetine hcl SOLN	14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	62
fludarabine phosphate SOLN	23	fluoxetine hcl TABS	14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 62	
fludarabine phosphate SOLR	23	fluphenazine hcl CONC	28	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 62	
fludrocortisone acetate TABS	34	fluphenazine hcl ELIX	28	FLUZONE SUSP	62
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 61		fluphenazine hcl SOLN	28	FLUZONE SUSY	62
FLULAVAL SUSY	62	fluphenazine hcl TABS	28	FML FORTE SUSP	55
FLUMIST	62	flurandrenolide CREA	39	folic acid TABS	46
FLUMIST QUADRIVALENT	62	flurandrenolide LOTN	39	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	
flunisolide (nasal)	54	flurazepam hcl	47	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	
fluocinolone acetonide (otic)	56	flurbiprofen sodium	56	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 39		flurbiprofen TABS	4	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	39	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	40
fluocinolone acetonide OIL	39	fluticasone furoate-vilanterol	10	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	41
fluocinolone acetonide OINT	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	formoterol fumarate NEBU	10
fluocinolone acetonide SOLN	39	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 54		FOSAMAX PLUS D	42
fluocinonide CREA 0.05 %	39	fluticasone propionate CREA 0.05 % 39		fosamprenavir calcium TABS	29
fluocinonide CREA 0.1 %	39	fluticasone propionate hfa	9	fosfomycin tromethamine	21
fluocinonide emulsified base	39	fluticasone propionate LOTN	39	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluocinonide GEL	39	fluticasone propionate OINT	39	fosinopril sodium	19
fluocinonide OINT	39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10		

fosphenytoin sodium	13	gatifloxacin (ophth)	55	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16
FRAGMIN SOSY	11	gefitinib	24	glyburide TABS	16
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	49	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	14
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	49	gemfibrozil TABS	19	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	14
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	49	GENOTROPIN CART SC	42	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	45
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	49	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	42	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 59	
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	49	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate TABS 1 MG	59
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	49	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	55	glycopyrrolate TABS 2 MG	59
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	49	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	36	GLYXAMBI	14
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	49	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	36	GNP PRENATAL TABS	53
FREESTYLE LIBRE READER	49	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	53
frovatriptan succinate	50	GENVOYA	29	GOHIBIC	45
FT PRENATAL TABS	53	GILOTRIF	24	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	41
fulvestrant SOSY	24	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 58		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
furosemide SOLN IJ 10 MG/ML ...	41	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 58		granisetron hcl TABS	17
furosemide TABS	41	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..	23	GRASTEK SUBL	2
FUZEON SOLR	29	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)	23	griseofulvin microsize SUSP	17
gabapentin CAPS	12	glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin microsize TABS	17
gabapentin SOLN	12	glimepiride 4 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	17
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1
galantamine hydrobromide CP24 ..	57	glipizide TB24	16	guanfacine hcl	19
galantamine hydrobromide SOLN ..	57	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	14	GYNAZOLE-1	63
galantamine hydrobromide TABS ..	57	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	14	HAEGARDA SOLR SC	45
ganciclovir sodium SOLR	29	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	40	halcinonide CREA	39
ganirelix acetate	42	glucagon SOLR IJ 1 MG	15	halobetasol propionate CREA	39
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	62			halobetasol propionate OINT	39
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	62			HALOG OINT	39

haloperidol decanoate	28	(CONCENTRATED) SOLN SC	15	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	39
haloperidol lactate CONC	28	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	15	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	39
haloperidol lactate SOLN	28	HYCANTIN CAPS	26	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	39
haloperidol TABS	28	hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone acetate (rectal)	7
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	62	hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone butyrate CREA	39
HEMANGEOL SOLN PO	30	hydrochlorothiazide CAPS	41	hydrocortisone butyrate OINT	39
HEMATINIC/FOLIC ACID	46	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42		hydrocortisone butyrate SOLN	39
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	41	hydrocortisone sod succinate 100 MG	34
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone bitartrate CP12	5	hydrocortisone TABS	34
HEPLISAV-B SOSY	62	hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone vaginal	63
HIBERIX SOLR IJ	61	hydrocodone bitartrate-homatropine methylbromide TABS	34	hydrocortisone valerate CREA	39
HUMATROPE CART IJ	42	hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER .	35	hydrocortisone valerate OINT	39
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone w/acetic acid	56
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydromorphone hcl LIQD	5
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TABS	5
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	
HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3			hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	
HUMULIN R U-500				hydroxyurea	26
				hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8

hydroxyzine hcl SYRP	8	indapamide TABS 1.25 MG	42	ISENTRESS HD TABS	29
hydroxyzine hcl TABS	8	indapamide TABS 2.5 MG	42	ISENTRESS TABS	29
hydroxyzine pamoate CAPS	8	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		ISOLYTE-P IN D5W	51
HYPERSAL NEBU	35	indomethacin CPCR	4	ISOLYTE-S	51
HYQVIA	56	INFANRIX	59	isoniazid SOLN	22
ibandronate sodium SOLN	42	INFLECTRA SOLR	44	isoniazid SYRP	22
ibandronate sodium TABS	42	INLYTA	23	isoniazid TABS	22
IBRANCE CAPS	25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
IBRANCE TABS	25	15		MG, 20 MG, 30 MG	8
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200		INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
MG/10ML	4	16		31	
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL)		isosorbide mononitrate TABS	8
ibuprofen TABS 800 MG	4	SOPN	16	isosorbide mononitrate TB24	8
icatibant acetate SOSY	45	INSULIN LISPRO JUNIOR		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
ICLUSIG	25	KWIKPEN SOPN	16	40 MG	35
icosapent ethyl 1 GM	18	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO		isradipine CAPS	31
idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	SUPN	16	itraconazole CAPS	17
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10		INSULIN LISPRO SOLN IJ	16	itraconazole SOLN	17
MG/10ML	25	INTELENCE 25 MG	29	ivabradine hcl TABS	32
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	IONOSOL-MB IN D5W	51	ivermectin (pediculicide)	40
ifosfamide SOLR	23	IPOL IJ	62	ivermectin	8
imatinib mesylate TABS	25	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %		IXEMPRA KIT 15 MG	26
imipramine hcl TABS	14	54		JAKAFI	25
imipramine pamoate	14	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %		JANUMET TABS	14
imiquimod 5 %	40	54		JANUMET XR TB24 1000 MG-100	
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT		ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	MG	14
4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	50	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	
IMITREX STATDOSE SYSTEM		irbesartan	19	MG, 500 MG-50 MG	14
SOAJ 4 MG/0.5ML	50	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	20	JANUVIA	15
INCRELEX	42	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100		JARDIANCE	16
INCRUSE ELLIPTA	9	MG/5ML	27	JULUCA	29
		irrigation solutions, physiological .	52	JYNNEOS	62
		ISENTRESS CHEW	29		

KALETRA SOLN	29	KIMONO SPECIAL DEVI	48	lamivudine-zidovudine	29
KALYDECO TABS	58	KINRIX SUSY	59	lamotrigine CHEW 25 MG	12
KAMELEON LUBRICATED MISC .	48	KISQALI (200 MG DOSE)	25	lamotrigine CHEW 5 MG	12
KANJINTI	24	KISQALI (400 MG DOSE)	25	lamotrigine TABS	12
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		KISQALI (600 MG DOSE)	25	lamotrigine TBDP	12
MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .		LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	31
dextrose & sodium chloride)	51	25		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	51	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .		MCG, 250 MCG (digoxin)	31
ketoconazole (topical) CREA	36	25		lansoprazole CPDR 15 MG	60
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	36	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .		lansoprazole CPDR 30 MG	60
ketoconazole	18	25		lanthanum carbonate CHEW	45
KETONE TEST STRP	41	KLOXXADO LIQD	16	lapatinib ditosylate	25
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		LASTACAFT	56
ketorolac tromethamine (ophth) ...	56	TABS	53	latanoprost SOLN	56
ketorolac tromethamine TABS	4	KRINTAFEL	22	leflunomide	4
KETOSTIX STRP	41	KYPROLIS	25	LEMTRADA	58
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		labetalol hcl SOLN	30	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
56		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .		15 MG, 25 MG	52
KEVZARA SOAJ	3	30		lenalidomide 20 MG	52
KEVZARA SOSY	3	labetalol hcl TABS 300 MG	30	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO COLORS DEVI	48	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO MAXX-LARGE FLARE		MG/5ML, 100 MG/10ML	12	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	23
MISC	48	lacosamide TABS	12	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .		lactated ringer's (irrigation)	52	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	23
48		lactic acid (ammonium lactate) CREA		LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	23
KIMONO MISC	48	40	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	23
KIMONO PLUS MISC	48	lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	23
KIMONO PS MISC	48	12 %	40	letrozole	24
KIMONO PS PLUS MISC	48	lactulose (encephalopathy)	44	leucovorin calcium SOLR	26
KIMONO SENSATION MISC	48	lactulose SOLN	47	leucovorin calcium TABS	26
KIMONO SENSATION PLUS MISC		lamivudine (hbv) TABS	30	LEUKERAN	23
48		lamivudine SOLN	29		
		lamivudine TABS	29		

LEUKINE SOLR IJ	46	(continuous)	33	LOKELMA	52
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 33	33	lomustine 10 MG	23
levobunolol hcl	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lomustine 40 MG, 100 MG	23
levobunolol hcl 0.5 %	54	levothyroxine sodium TABS	59	loperamide hcl CAPS	16
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	18	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	52	lopinavir-ritonavir SOLN	29
levocetirizine dihydrochloride TABS 18	18	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	52	lopinavir-ritonavir TABS	29
levofloxacin (ophth) 0.5 %	55	lidocaine hcl GEL 2 %	40	LOQTORZI	24
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML	44	lidocaine hcl PRSY	40	loratadine CAPS	18
levofloxacin SOLN PO	44	lidocaine hcl SOLN	40	loratadine CHEW	18
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	44	lidocaine PTCH 5 %	40	loratadine SOLN	18
levofloxacin TABS 500 MG	44	lidocaine-prilocaine CREA	40	loratadine TABS	18
levonorgestrel & eth estradiol TABS 33	33	lincomycin hcl	21	loratadine TBDP	18
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	34	linezolid SUSR	21	lorazepam CONC	8
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	33	linezolid TABS	21	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	33	LINZESS	44	lorazepam TABS 1 MG	8
levonorgestrel-ethinyl estradiol		liothyronine sodium SOLN	59	LORBRENA	25
		liothyronine sodium TABS	59	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20
		liraglutide	15	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	20
		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	1	losartan potassium	19
		lisdexamfetamine dimesylate CHEW 1	1	LOTEMAX OINT	55
		lisinopril & hydrochlorothiazide	20	loteprednol etabonate GEL	55
		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	loteprednol etabonate SUSP	55
		lithium	27	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19
		lithium carbonate CAPS	27	lovastatin TABS 40 MG	19
		lithium carbonate TABS	27	loxapine succinate	28
		lithium carbonate TBCR	27	lubiprostone	44
		LO LOESTRIN FE TABS	33	luliconazole	36
		lofedidine hcl	57		

methylphenidate hcl CHEW 10 MG	1	metoclopramide hcl TABS	44	mirabegron TB24	60
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	1	metolazone	42	MIRCERA	46
methylphenidate hcl CHEW 5 MG	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	mirtazapine TABS	13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TBDP	13
methylphenidate hcl CP24 30 MG	1	metoprolol succinate TB24 200 MG 30		misoprostol	60
methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	30	mitomycin SOLR IV 20 MG	25
methylphenidate hcl CPCR	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	30	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML	25
methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	30	M-M-R II SOLR	62
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) CREA	40	M-NATAL PLUS TABS	53
methylphenidate hcl TABS 5 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 40		MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	62
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 %	40	modafinil 100 MG	2
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	40	modafinil 200 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG	21	MODERNA COVID-19 BIVALENT	62
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole vaginal	63	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	62
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	mexiletine hcl	8	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	62
methylphenidate PTCH	2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	63	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	62
methylprednisolone acetate SUSP	34	midodrine hcl	63	moexipril hcl	19
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	34	miglitol	14	mometasone furoate (nasal) SUSP	54
methylprednisolone TABS	34	miglustat	46	mometasone furoate CREA	39
methylprednisolone TBPK	34	minocycline hcl CAPS	59	mometasone furoate OINT	39
methyltestosterone TABS	7	minocycline hcl TABS	59	mometasone furoate SOLN	39
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	montelukast sodium CHEW	9
metoclopramide hcl SOLN PO 5				montelukast sodium PACK	9
				montelukast sodium TABS	9
				morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	6

morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	53
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML	6	naltrexone hcl	17	NEONATAL PLUS TABS	53
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML	6	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEONATAL PRENATAL TABS ...	53
morphine sulfate TABS	6	naproxen SUSP	4	NEONATAL VITAMIN TABS	53
morphine sulfate TBCR	6	naproxen TABS	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..	22
MOTOFEN	16	naproxen TBEC 500 MG	4	NEO-SYNALAR	36
MOVANTIK	44	naratriptan hcl	50	NEUPRO	27
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 55		NATACYN	55	NEVANAC	56
moxifloxacin hcl in sodium chloride 44		NATAZIA	33	nevirapine SUSP	29
moxifloxacin hcl TABS	44	nateglinide	16	nevirapine TABS	29
MRESVIA	62	NAYZILAM	11	nevirapine TB24 400 MG	29
MULTI PRENATAL TABS	53	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 30		NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	60
mupirocin OINT	36	nebivolol hcl 20 MG	30	NEXTSTELLIS	33
MVASI	23	NEBUSAL NEBU	35	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
MYALEPT	43	nefazodone hcl	14	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	64
mycophenolate mofetil CAPS	52	nelarabine	23	NIACIN ER TBCR	64
mycophenolate mofetil TABS	52	neomycin sulfate TABS	2	niacin TABS	64
mycophenolate sodium	52	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	55	niacin TBCR	64
MYLERAN TABS	23	neomycin-polymy-dexameth OINT	55	niacinamide TABS 100 MG	64
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP		niacinamide TABS 500 MG	64
nadolol TABS 20 MG	31	0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %	55	nicardipine hcl CAPS	31
nadolol TABS 40 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	55	nicardipine hcl SOLN	31
nadolol TABS 80 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	56	NICOTINE KIT	58
nafcillin sodium IJ 1 GM	57	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	56	nicotine polacrilex GUM	58
naftifine hcl CREA 1 %	36	NEONATAL COMPLETE TABS 120		nicotine polacrilex LOZG	58
naftifine hcl CREA 2 %	36	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	58
naloxone hcl LIQD	16	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		NICOTROL INHA	58
				NICOTROL NS SOLN	58
				nifedipine CAPS 10 MG	31

nifedipine CAPS 20 MG	31	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 33	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16		
nifedipine TB24	31	norethindrone (contraceptive)	34	NOVOLIN R SOLN IJ	16	
nilutamide	24	norethindrone acet & eth estra TABS 33	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16		
nimodipine CAPS	31	norethindrone acetate TABS	57	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	16	
NIPENT	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	43	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	
nisoldipine	31	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	33	NOVOLOG PENFILL SOCT	16	
nitazoxanide TABS	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	33	NOVOLOG SOLN IJ	16	
nitisinone CAPS	43	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	33	NP THYROID TABS	59	
NITRO-BID OINT	8	norgestimate-ethinyl estradiol	33	NUBEQA	24	
nitrofurantoin	21	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	33	NUEDEXTA	58	
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21	NORMOSOL-M IN D5W	51	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	62	
nitrofurantoin monohyd macro	21	NORMOSOL-R PH 7.4	51	nystatin (mouth-throat)	52	
nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) CREA	36	
nitroglycerin CPCR	8	nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin (topical) OINT	36	
nitroglycerin PT24	8	NORVIR CAPS	29	nystatin (topical) POWD EX	36	
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORVIR PACK	29	nystatin TABS	17	
nitroglycerin SUBL	8	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 41	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	62	nystatin-triamcinolone CREA	36
NIVA-PLUS TABS	53	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	62	NYVEPRIA	46	
nizatidine CAPS	60	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	octreotide acetate SOLN	43	
NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 30 MG/3ML	42	NOVOLIN 70/30 SUSP	16	ODEFSEY	29	
NORDITROPIN FLEXPEN SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	42	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	ODOMZO	24	
norelgestromin-ethinyl estradiol	33	NOVOLIN N SUSP	16	OFEV	58	
norethin acet & estrad-fe CAPS	33			ofloxacin (ophth)	55	
norethin acet & estrad-fe CHEW	33			ofloxacin (otic)	56	
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	33			ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	
norethindrone & eth estradiol	33			OGIVRI	24	
				olanzapine SOLR	28	
				olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	

olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	49	oxybutynin chloride SOLN	60
olanzapine TBDP 20 MG	28	OPILL	34	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	60
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	OPVEE NA	17	oxybutynin chloride TB24	60
olmesartan medoxomil	19	ORENITRAM TBCR	32	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	ORGOVYX	24	oxycodone hcl TABS	6
olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20	ORILISSA	42	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olopatadine hcl (nasal)	54	ORKAMBI PACK	58	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olopatadine hcl 0.1 %	56	ORKAMBI TABS	58	oxymorphone hcl TABS	6
olopatadine hcl 0.2 %	56	ORLADEYO	45	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
omega-3-acid ethyl esters	18	orphenadrine citrate TB12	54	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	
omeprazole CPDR	60	orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG	54	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15
omeprazole magnesium CPDR ...	60	oseltamivir phosphate CAPS	30	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15
omeprazole TBEC	60	oseltamivir phosphate SUSR	30	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	15
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	60	OSPHENA	42	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	26
OMNIFLEX DIAPHRAGM	48	OTEZLA TABS	4	paclitaxel protein-bound particles ..	26
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TBPK	4	paliperidone	27
ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	palonosetron hcl SOLN	17
ondansetron hcl SOSY	17	OTEZLA/XR INITIATION PK TBPK	4	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	42
ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxacillin sodium IJ 1 GM	57	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 42	
ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	PANRETIN	37
ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 60	
ondansetron TBDP 4 MG	17	oxazepam CAPS	8	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 60	
ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12		
ONE VITE WOMENS PLUS TABS 53		oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12		
ONE VITE WOMENS TABS	53	oxcarbazepine TABS 600 MG	12		
		oxiconazole nitrate CREA	36		
		OXISTAT LOTN	36		

paricalcitol CAPS	43	PENMENVY SUSR IM	61	phenobarbital TABS	46
paricalcitol SOLN	43	PENTACEL	59	phenoxybenzamine hcl	19
paroxetine hcl SUSP	14	pentamidine isethionate IN	21	phentermine hcl CAPS	1
paroxetine hcl TABS	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenytoin CHEW	13
paroxetine hcl TB24	14	pentoxifylline	45	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13
pazopanib hcl	25	perampanel TABS 2 MG	11	phenytoin sodium SOLN	13
pazopanib hcl	26	perampanel TABS 4 MG	11	phenytoin SUSP	13
PEDIARIX SUSY	59	perampanel TABS 6 MG	11	PHEXX	63
pediatric multivitamins w/fl CHEW .	53	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	PHEXXI	63
PEDVAX HIB SUSP	61	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	19	PHOTOFRIN	26
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	47	perindopril erbumine 4 MG	19	PIFELTRO	29
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 47		permethrin CREA	40	pilocarpine hcl (oral)	52
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	47	permethrin LIQD EX	40	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 55	
PEGASYS SOLN	30	perphenazine TABS	28	pimecrolimus	40
PEGASYS SOSY	30	perphenazine-amitriptyline	57	pimozide	58
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23		PERSERIS PRSY	28	pindolol TABS	31
PENBRAYA	61	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 62		pioglitazone hcl	16
penciclovir	38	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	62	pioglitazone hcl-glimepiride	14
penicillamine CAPS	51	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	62	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	
penicillamine TABS	51	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP	62	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .	26
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .	56	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	62	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .	26
penicillin g potassium 5000000 UNIT 56		phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	45	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .	26
penicillin g sodium	56	phendimetrazine tartrate TABS	1	pirfenidone CAPS	58
penicillin v potassium SOLR	56	phenelzine sulfate	13	pirfenidone TABS 534 MG	58
penicillin v potassium TABS	56	phenobarbital ELIX	46	piroxicam CAPS	4
				PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	51
				PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) .	51

PLEGRIDY SOAJ	58	potassium citrate (alkalinizer) TBCR .	45	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165	MG	58
PLEGRIDY SOSY IM	58	potassium phosphates 45		pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG		
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .	58	MMOLE/15ML	51	12		
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY		PR BENZOYL PEROXIDE WASH		pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75		
SC	58	LIQD	35	MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...		12
PNEUMOVAX 23 SOLN	61	pralatrexate 20 MG/ML	23	pregabalin SOLN		12
PNEUMOVAX 23 SOSY	61	pramipexole dihydrochloride TABS		PREHEVBRIO		62
podofilox SOLN	40	0.125 MG	27	PREMARIN		63
polymyxin b-trimethoprim	55	pramipexole dihydrochloride TABS		PREMARIN SOLR		43
POMALYST	25	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG,		PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG,		
posaconazole SUSP	18	1.5 MG	27	0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG		
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	51	prasugrel hcl	46	(estrogens, conjugated)		43
potassium bicarbonate TBEF	51	pravastatin sodium	19	PREMPHASE		43
potassium chloride CPCR	51	praziquantel	8	PREMPRO		43
potassium chloride in dextrose &		prazosin hcl CAPS	19	PRENATAL ONE DAILY TABS		53
sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45		PRECISION XTRA KETONE	41	PRENATAL PLUS TABS		53
%, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20		PRED MILD	55	PRENATAL PLUS		
MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45		prednisolone acetate (ophth)	55	VITAMIN/MINERAL TABS		53
%, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40		PREDNISOLONE SODIUM		PRENATAL TABS		53
MEQ/L-0.9 %	51	PHOSPHATE	55	PRENATAL VITAMIN AND		
potassium chloride in dextrose 20		prednisolone sodium phosphate		MINERAL TABS		53
MEQ/L	51	SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15		PRENATAL VITAMINS TABS 100		
potassium chloride		MG/5ML, 25 MG/5ML	34	MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6		
microencapsulated crystals er	51	prednisolone sodium phosphate		MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95		
potassium chloride PACK PO 20		TBDP	34	MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200		
MEQ	51	prednisolone SOLN	34	MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800		
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV		prednisolone TABS	34	MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20		
10 MEQ/50ML (potassium chloride)		prednisone SOLN	34	MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-		
51		prednisone TABS 1 MG, 5 MG	34	4000 UNIT-30 UNIT		53
potassium chloride SOLN PO 10 %,		prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20		PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6		
10 %	51	MG, 50 MG	34	MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7		
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10		prednisone TBPK	34	MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-		
MEQ, 20 MEQ	51	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	58	25 MG-4000 UNIT-30 UNIT		53
				PRENATRIX TABS		53
				PRENATRYL TABS		53

PREVNAR 13	61	propylthiouracil	59	quinine sulfate CAPS 324 MG	22
PREVNAR 20	61	PROQUAD SUSR	62	QVAR REDHALER	9
PREZCOBIX	29	protriptyline hcl	14	rabeprazole sodium TBEC	60
PREZISTA SUSP	29	prucalopride succinate	44	raloxifene hcl	42
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29	PULMICORT FLEXHALER AEPB	9	ramelteon	47
PRIFTIN	22	PULMOZYME	58	ramipril CAPS	19
primaquine phosphate TABS	22	pyrazinamide	22	ranitidine hcl TABS 150 MG	60
primidone 50 MG, 250 MG	12	pyridostigmine bromide SOLN PO	22	ranolazine TB12 1000 MG	8
PRIORIX SUSR	62	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	ranolazine TB12 500 MG	8
probenecid	45	pyridostigmine bromide TBCR	22	rasagiline mesylate	27
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML	8	pyrimethamine	22	REALITY LATEX CONDOMS MISC	48
prochlorperazine	28	PYZCHIVA 130 MG/26ML	44	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	48
prochlorperazine maleate TABS	28	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	37	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	48
progesterone CAPS	57	PYZCHIVA 90 MG/ML	37	REBIF REBIDOSE SOAJ	58
PROGRAF PACK	52	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	37	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	58
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	52	QC PRENATAL TABS	53	REBIF SOSY	58
PROLASTIN-C SOLN	58	QUADRACEL SUSP	59	REBIF TITRATION PACK SOSY	58
PROLEUKIN	26	QUADRACEL SUSY	59	RECOMBIVAX HB SUSP	62
PROLIA SOSY	42	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	28	RECOMBIVAX HB SUSY	63
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TB24	28	RELENZA DISKHALER	30
promethazine hcl SUPP 50 MG	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	RELION KETONE TEST STRP	41
promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	RELION LANCET DEVICES 30G	49
propafenone hcl CP12	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RELION LANCETS	49
propafenone hcl TABS	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	41
proparacaine hcl	55	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	20	RENFLEXIS	44
propranolol hcl CP24	31	quinidine sulfate TABS	8	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
propranolol hcl SOLN IV 1 MG/ML	31			repaglinide 2 MG	16
propranolol hcl TABS	31				

REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	15
REPATHA SOSY	19	rivaroxaban TABS 2.5 MG	10	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rivastigmine tartrate CAPS	57	scopolamine	17
RETACRIT	46	rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	50	selegiline hcl CAPS	27
RETROVIR SOLN	29	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	50	selegiline hcl TABS	27
REXULTI	28	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	50	selenium sulfide LOTN 2.5 %	38
REZVOGLAR KWIKPEN	16	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	50	SELZENTRY SOLN	29
ribavirin (hepatitis c) CAPS	30	roflumilast	9	SEREVENT DISKUS	10
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30		romidepsin SOLR	26	sertraline hcl CONC	14
RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TABS	27	sertraline hcl TABS	14
rifabutin	22	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	27	sevelamer carbonate PACK	45
rifampin CAPS	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	27	sevelamer carbonate TABS	45
rifampin SOLR	22	rosuvastatin calcium TABS	19	SHINGRIX	63
riluzole TABS	54	ROTARIX SUSP	63	SIGNIFOR	43
rimantadine hydrochloride TABS ..	30	ROTATEQ SOLN	63	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	32
ringer's	51	ROZLYTREK CAPS	26	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	32
ringer's irrigation	52	RUBRACA	26	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	32
RINVOQ LQ SOLN	2	rufinamide SUSP	12	sildenafil citrate	31
RINVOQ TB24	2	rufinamide TABS 200 MG	12	silodosin	45
risedronate sodium TABS 150 MG	42	rufinamide TABS 400 MG	12	silver sulfadiazine	38
risedronate sodium TABS 35 MG ..	42	RUXIENCE	24	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	42	RYBELSUS TABS	15	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3
risedronate sodium TBEC	42	sacubitril-valsartan TABS	31	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3
risperidone microspheres	28	salsalate	5	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3
risperidone SOLN	28	SANTYL OINT	40	SIMPONI ARIA SOLN	3
risperidone TABS	28	SAVELLA TABS	57	SIMULECT	52
risperidone TBDP	28	SAVELLA TITRATION PACK MISC 57		simvastatin TABS	19
ritonavir TABS	29	saxagliptin hcl	15		

sirolimus TABS	52	sorafenib tosylate	26	STRIVERDI RESPIMAT	10
SIRTURO	22	SORBITOL 3 %	45	SUBLOCADE SOSY	7
SKYRIZI PEN SOAJ	37	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	45	sucralfate SUSP	60
SKYRIZI SOCT	44	sotalol hcl (afib/afi)	31	sucralfate TABS	60
SKYRIZI SOLN	44	sotalol hcl TABS 240 MG	31	sulconazole nitrate CREA	37
SKYRIZI SOSY	37	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	sulconazole nitrate SOLN	37
SLYND	34	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	63	sulfacetamide sodium (acne)	35
SM PRENATAL VITAMINS TABS	53	SPIKEVAX SUSP	63	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 55	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	51	SPIKEVAX SUSY	63	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	35
sodium acetate SOLN	51	SPIKEVAX SUSY	63	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	35
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	45	spinosad	40	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	35
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	55
sodium citrate & citric acid	45	spironolactone & hydrochlorothiazide	41	sulfadiazine TABS	58
sodium fluoride CHEW	51	spironolactone TABS	41	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
sodium phenylbutyrate POWD	43	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21
sodium phenylbutyrate TABS	43	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21
sodium polystyrene sulfonate POWD 52		stannous fluoride CONC	52	SULFAMYLLON CREA	38
sodium polystyrene sulfonate SUSP PR 30 GM/120ML	52	STELARA 130 MG/26ML	44	sulfasalazine TABS	44
sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	47	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	37	sulfasalazine TBEC	44
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	30	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	37	sulindac TABS	4
solifenacin succinate TABS	60	STELARA SOSY 90 MG/ML	37	sumatriptan	50
SOLQUA	15	STEQEYMA	44	sumatriptan succinate SOAJ	50
SOLU-CORTEF 250 MG	34	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	37	sumatriptan succinate SOCT	50
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 34		STEQEYMA 90 MG/ML	37	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	50
SOLU-MEDROL 2 GM	34	STIOLTO RESPIMAT	10		
		STIVARGA	26		
		streptomycin sulfate SOLR	2		
		STRIBILD	29		

sumatriptan succinate TABS	50	tamsulosin hcl	45	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
sumatriptan-naproxen sodium	50	tavorole	37	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tazarotene CREA 0.1 %	37	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	59
sunitinib malate 37.5 MG	26	TAZVERIK	26	tetrabenazine	57
SUNOSI 150 MG	1	TDVAX SUSP	59	tetracycline hcl CAPS	59
SUNOSI 75 MG	1	TEFLARO	33	THALOMID	52
SYMTUZA	29	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10
SYNAREL	42	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline SOLN	10
SYNJARDY TABS	15	telmisartan	19	theophylline TB12	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	telmisartan-amlodipine	20	theophylline TB24	10
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	53
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	59	temazepam 15 MG, 30 MG	47	thioridazine hcl	28
TABLOID	23	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	47	thiotepa 15 MG	23
tacrolimus (topical) OINT	40	TEMODAR SOLR	23	thiothixene	28
tacrolimus CAPS	52	temozolomide CAPS	23	THYMOGLOBULIN	52
tacrolimus SOLN 5 MG/ML	52	temsirolimus	26	THYROGEN 0.9 MG	40
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	32	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	59	tiagabine hcl	13
tadalafil 5 MG	31	tenofovir disoproxil fumarate TABS 29		ticagrelor 60 MG, 90 MG	46
TAFINLAR CAPS	26	terazosin hcl	20	timolol maleate (ophth) SOLG	54
tafluprost	56	terbinafine hcl TABS	17	timolol maleate (ophth) SOLN	55
TAGRISSE 40 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	10	timolol maleate TABS	31
TAGRISSE 80 MG	24	terbutaline sulfate TABS	10	tinidazole	21
TAKHZYRO SOLN	45	terconazole vaginal CREA	63	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9
TAKHZYRO SOSY	45	terconazole vaginal SUPP	63	TIVICAY PD TBSO	29
TALZENNA	26	teriflunomide	58	TIVICAY TABS 50 MG	29
tamoxifen citrate TABS	24	teriparatide SOPN	42	tizanidine hcl CAPS	54
		TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tizanidine hcl TABS	54
				tobramycin (ophth) SOLN	55

tobramycin NEBU	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	46	AERO	54
tobramycin-dexamethasone SUSP 55		tranexamic acid TABS	46	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	39
TODAY SPONGE MISC	63	tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	39
tolcapone	27	travoprost SOLN	56	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	39
tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	39
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	14	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	39
TOLSURA CAPS	18	TRELEGY ELLIPTA	10	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	40
tolterodine tartrate CP24	60	TRELSTAR MIXJECT	24	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	40
tolterodine tartrate TABS	60	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	37	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	34
tolvaptan TABS	43	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 37		triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	41
topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	44	triamterene & hydrochlorothiazide TABs	41
topiramate CPSP 25 MG	12	TREMFYA SOLN IV	44	triazolam	47
topiramate CS24	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	37	TRICARE TABS	53
topiramate TABS 200 MG	12	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 44		trientine hcl 250 MG	51
topiramate TABS 25 MG, 100 MG	13	TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	44	trifluoperazine hcl TABS	28
topiramate TABS 50 MG	12	treprostinil SOLN IJ	32	trifluridine	55
topotecan hcl SOLR	27	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	16	trihexyphenidyl hcl SOLN	27
toremifene citrate	24	TRESIBA SOLN	16	trihexyphenidyl hcl TABS	27
torseamide TABS	41	tretinoin (chemotherapy)	26	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15
TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	32	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	35	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
tramadol hcl TABS 50 MG	6	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	36	TRIKAFTA TBPK	58
tramadol hcl TB24	6	tretinoin microsphere 0.1 %	35		
tramadol-acetaminophen	7	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23		
trandolapril 1 MG, 2 MG	19	triamcinolone acetonide (mouth)	52		
trandolapril 4 MG	19	triamcinolone acetonide (nasal)			
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	20				
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	20				

trimethobenzamide hcl CAPS 17	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC 48	UDENYCA SOSY 46
trimethoprim TABS 21	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC 48	umeclidinium-vilanterol 10
trimipramine maleate CAPS 14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC 48	UPTRAVI TABS 200 MCG 32
TRINTELLIX 14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC 48	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 32
TRIUMEQ PD TBSO 29	TRUSTEX LUBRICATED MISC ... 49	UPTRAVI TITRATION TBPK 32
TRIUMEQ TABS 29	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 49	ursodiol CAPS 44
TROJAN BARESKIN DEVI 48	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC 49	ursodiol TABS 44
TROJAN MAGNUM MISC 48	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC 49	UVADEX 26
TROJAN ULTRA THIN MISC 48	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 49	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG 24
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC 48	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC 49	valacyclovir hcl 1 GM 30
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 48	TRUXIMA 24	valacyclovir hcl 500 MG 30
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 48	TUKYSA 24	valganciclovir hcl TABS 30
tropicamide SOLN 0.5 % 55	TURALIO 125 MG 26	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML 13
tropicamide SOLN 1 % 55	TWINRIX SUSY 63	valproic acid CAPS 13
tropium chloride CP24 60	TWIRLA 33	valrubicin 25
tropium chloride TABS 60	TYBLUME CHEW 33	valsartan TABS 19
TRUE COVER DEVI 48	TYBOST 29	valsartan-hydrochlorothiazide 20
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP 41	TYMLOS 42	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD 11
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ... 49	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ... 32	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML 11
TRULANCE 44	TYVASO SOLN IN 32	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML 11
TRULICITY 15	TYVASO STARTER KIT SOLN IN 32	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 11
TRUMENBA 0.5 ML 61	UBRELVY 100 MG 50	vancomycin hcl CAPS 21
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC 48	UBRELVY 50 MG 50	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML . 21
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC 48	UDENYCA ONBODY SOSY 46	VAQTA 63
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC 48	UDENYCA SOAJ 46	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML 63

varenicline tartrate TABS	58	VISTOGARD	16	XELJANZ TABS 5 MG	2
varenicline tartrate TBPK	58	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	63	XELJANZ XR TB24	2
VARIVAX SUSR	63	VITATHELY WITH GINGER TABS		XEOMIN	54
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17	53		XHANCE EXHU	54
VAXELIS SUSP	59	VITRAKVI CAPS	26	XIFAXAN 200 MG	21
VAXELIS SUSY	59	VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 550 MG	21
VAXNEUVANCE	61	VIVITROL	17	XIGDUO XR (dapagliflozin	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE		VIZIMPRO	24	propanediol-metformin hcl)	15
FILM	63	VORAXAZE	26	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500	
VECAMYL	20	voriconazole TABS	18	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VOSEVI	30	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000	
venlafaxine hcl CP24	14	warfarin sodium TABS	10	MG-5 MG	15
venlafaxine hcl TABS	14	water for irrigation, sterile	52	XOSPATA	26
venlafaxine hcl TB24	14	WESTAB PLUS TABS	53	XTANDI CAPS	25
verapamil hcl CP24 100 MG, 200		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	49	XTANDI TABS 40 MG	25
MG, 300 MG	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	49	XTANDI TABS 80 MG	25
verapamil hcl CP24 120 MG, 180		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	49	XULTOPHY	15
MG, 240 MG, 360 MG	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	49	XYZAL ALLERGY 24HR	
verapamil hcl TABS	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	49	CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	18
verapamil hcl TBCR	31	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	49	YERVOY	24
VEREGEN	36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	49	YESINTEK 130 MG/26ML	44
VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	49	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	38
vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	49	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	38
vigabatrin TABS	13	XALKORI CAPS	26	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38
vilazodone hcl TABS	14	XARELTO STARTER PACK TBPK		YONSA	25
vincristine sulfate	26	10		YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	26	XARELTO SUSR 1 MG/ML		YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3
VIRACEPT TABS	29	(rivaroxaban)	10	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3
VIREAD POWD	29	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		XARELTO TABS 15 MG	11	AJKT	3
250 MG	29	XELJANZ SOLN	2	zafirlukast	9
		XELJANZ TABS 10 MG	2	zaleplon 10 MG	47

zaleplon 5 MG	47	zolmitriptan TBDP	51
ZALTRAP 100 MG/4ML	23	zolpidem tartrate TABS	47
ZANOSAR	23	zolpidem tartrate TBCR	47
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zonisamide CAPS	13
ZARXIO	46	ZONTIVITY	46
ZEJULA TABS	26	ZUBSOLV SUBL	7
ZELBORAF	26	ZYDELIG	26
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	41		
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	41		
zidovudine CAPS	29		
zidovudine SYRP	29		
zidovudine TABS	29		
zileuton TB12	9		
ZIMHI SOSY	17		
ziprasidone hcl	27		
ZIRABEV	24		
ZIRGAN GEL	55		
ZOLADEX 10.8 MG	25		
ZOLADEX 3.6 MG	25		
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 42			
ZOLINZA	26		
zolmitriptan SOLN	50		
zolmitriptan TABS	50		

Ambetter from SilverSummit Healthplan is underwritten by SilverSummit Healthplan, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Nevada Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 SilverSummit Healthplan, Inc., AmbetterHealth.com/en/nv. For information on your right to receive an Ambetter from SilverSummit Healthplan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from SilverSummit Healthplan được bảo lãnh bởi SilverSummit Healthplan, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Nevada. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 SilverSummit Healthplan, Inc., AmbetterHealth.com/en/nv. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from SilverSummit Healthplan mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.